

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST

Ngày 22-11-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Đại

Bà Phạm Thị Bám

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 740/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm T T; nơi cư trú: Số 4/90/46 đường L, phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Đ L; nơi cư trú: Số 25/27/38 đường A, phường L, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự ly hôn ngày 08/01/2018, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm T T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016, chị Phạm T T và anh Đinh Đ L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng đến ngày 22/02/2017 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường

L, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Ngay sau khi kết hôn được vài tháng, chị T và anh L đã nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp; anh L chửi mắng và dùng cả bạo lực đối với chị T. Nguyên đơn trình bày, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng liên tục từ tháng 4/2017, căng thẳng từ tháng 9/2017 nên anh chị đã sống ly thân. Chị T bế con về nhà bố mẹ đẻ ở. Trong thời gian anh chị sống ly thân, thỉnh thoảng anh L có qua lại nhà bố mẹ đẻ chị T để thăm nuôi con và nhiều lần gây mất trật tự xóm phố, xúc phạm danh dự của chị T. Tháng 02/2018 khi hai vợ chồng đi chúc Tết, anh L đã đánh đập chị T nên chị đã làm đơn trình báo công an phường L và sau đó sự việc chuyển lên công an quận Ngô Quyền giải quyết. Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh L, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh L có một con chung là cháu Đinh Đ T P, sinh ngày 23/4/2017. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con do cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, cháu P ở cùng mẹ. Hiện tại, chị T có công việc ổn định, có đủ điều kiện về kinh tế và có thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T và anh L đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đinh Đ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với quan điểm của chị T về điều kiện và quá trình kết hôn. Anh chị kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn vào đầu năm 2017. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống bình thường tại nhà số 25/27/38 đường A, phường L, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và có một con chung như chị T đã trình bày. Theo anh L, giữa hai vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng có cãi vã nhưng anh khẳng định không đánh đập chị T. Sau khi chị T sinh con, bố mẹ chị T có đến xin phép bố mẹ anh cho mẹ con chị T về bên ngoại để chăm sóc. Trong thời gian đó, anh L có qua lại nhà bố mẹ vợ để chăm sóc mẹ con chị T. Anh xác định tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị T nên đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Đinh Đ T P như chị T đã trình bày. Từ khi ly thân đến nay, cháu P vẫn ở cùng chị T. Trường hợp ly hôn, anh L có nguyện vọng được nuôi con vì anh có công việc và thu nhập ổn định. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh và chị T sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T và anh L đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh L. Giao con Đinh Đ T P cho chị T nuôi; việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án thụ lý ngày 15/6/2018 đến ngày 15/10/2018 có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị T, anh L đã trình bày, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh L đã nảy sinh mâu thuẫn. Giữa hai người không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã; không có sự yêu thương, quan tâm và chăm sóc nhau về tình cảm, độc lập về kinh tế. Tài liệu xác minh thể hiện cuộc sống chung giữa chị T và anh L thường xuyên mâu thuẫn vì những lý do nhỏ trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn giữa anh chị

xảy ra do anh chị bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp; anh L có những cư xử không đúng mực, thậm chí còn đánh đập vợ dẫn đến chị T phải trình báo cơ quan công an và anh Đinh Đ L đã bị xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 38/QĐ-XPHC ngày 29/3/2018 của Công an quận Ngô Quyền. Tại phiên tòa, mặc dù anh L không muốn ly hôn nhưng anh không đưa ra được phương án để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị T xác định không còn tình cảm với anh L, kiên quyết xin ly hôn vì mâu thuẫn của anh chị đã quá căng thẳng. Tòa án xét thấy, cuộc sống chung giữa chị Phạm T T và anh Đinh Đ L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[4] Chị T và anh L có một con chung là cháu Đinh Đ T P như anh chị đã trình bày. Từ khi chị T và anh L sống ly thân đến nay, cháu Đinh Đ T P ở cùng với mẹ. Do cháu P còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, chị T có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định. Vì vậy căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về việc chia tài sản chung:

[5] Chị T và anh L đã tự thỏa thuận và chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Phạm T T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm T T được ly hôn anh Đinh Đ L.

2. Về việc nuôi con:

Chị Phạm T T và anh Đinh Đ L có một con chung là Đinh Đ T P, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2017. Giao con Đinh Đ T P cho chị T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản:

Chị Phạm T T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Phạm T T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 14668 ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Phạm T T và anh Đinh Đ L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường L, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu